

Bản án số: 161/2024/DS-PT
Ngày: 17-9-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thái Bình; ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1185/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2024/QĐ-PT ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (Ngân hàng TMCP Q). Địa chỉ: A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q1 và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: Số C L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Đức T1 - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đ - Công ty TNHH Q1 và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q.

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông Mạc Đức TI: Ông Lê Văn S Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Lầu C, tòa nhà N, số I, đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1986 và ông Vũ Ngọc T3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Số 56, Võ Hũu, khu phố 02, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh

Người kháng cáo: Ông Vũ Ngọc T3.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt đại diện nguyên đơn ông Lê Văn S và ông Vũ Ngọc T3; đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/ Người đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn ông Lê Văn S trình bày:

Ngày 20/4/2022, Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh B đã ký Hợp đồng cho vay với bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 như sau: Hợp đồng vay số 1814522765.18203444.TD, mục đích vay mua bất động sản, lãi suất 11%, ngày nhận nợ tháng 6/2022, ngày đến hạn 4/2042, số tiền vay 1.500.000.000 đồng.

Ngày 21/6/2022, Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh B đã ký Hợp đồng cho vay với bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 như sau: Hợp đồng vay 2556422765.18203444.TD, mục đích vay bổ sung kinh doanh, lãi suất 10.5%, ngày nhận nợ tháng 6/2022, ngày đến hạn 6/2029, số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày nhận nợ tháng 7/2022, ngày đến hạn 6/2029; số tiền 1.000.000.000 đồng. Tổng số tiền giải ngân là 2.000.000.000 đồng. Như vậy, Ngân hàng TMCP Q đã cho ông T3, bà T2 vay tổng cộng 2 Hợp đồng cho vay và giải ngân là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm triệu đồng). Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 là Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số: 153, tờ bản đồ: 14, địa chỉ khu phố B Phường P, Tp ., tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 309937, Số vào sổ cấp GCN: CH do U, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 14/9/2012, cập nhật biến động ngày 03/10/2018 cho bà Đặng Thị T2. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 20228.22.765.18203444.BD ký ngày 20/4/2022 số Công chứng số: 05130, quyền số 06/2022/TP/CC-SCT/HĐGD và đã được Ngân hàng đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Đến tháng 8/2023 ông T3, bà T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ dư nợ tạm tính của khách hàng đến ngày 24/10/2023 tại Ngân hàng TMCP Q là: Nợ gốc 3.096.726.188 đồng, nợ lãi 98.384.724. Tổng cộng 3.195.110.912 đồng.

Ngân hàng TMCP Q đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 trả nợ hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng và các bên liên quan theo đúng quy định.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Q, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 ra Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo các Hợp đồng cho vay và các Khế ước nhận nợ trên với số tiền tính đến hết ngày 13/3/2024 là: 3.324.885.809 đồng, trong đó bao gồm 3.096.726.188 đồng, nợ lãi 228.159.621 đồng.

2. Kể từ ngày 14/3/2024, bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thoả thuận quy định tại các Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán, xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên phát mãi tài sản bảo đảm của khoản nợ nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm là Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 153, tờ bản đồ. 14, địa chỉ: KP B Phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 309937, Số vào sổ cấp GCN: CH do U, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 14/9/2012, cập nhật chuyển nhượng ngày 3/10/2018 cho bà Đặng Thị T2.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 đối với Ngân hàng TMCP Q. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Về án phí: ông T3, bà T2 phải chịu theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: ông T3, bà T2 phải chịu theo quy định pháp luật.

2/ Bị đơn ông Vũ Ngọc T3, bà Đặng Thị T2 trình bày:

Vợ chồng ông có vay Ngân hàng TMCP Q số tiền 3.500.000.000 đồng để kinh doanh hải sản. Hiện tại ông bà còn nợ gốc là 3.096.726.188 đồng, nợ lãi

98.384.724 đồng. Tổng cộng là 3.195.110.912 đồng. Ngày vay 20/4/2022, thời hạn vay đến năm 2042. Ông bà trả thanh toán theo tháng cho Ngân hàng đến tháng 8/2023. Tuy nhiên, sau đó do gặp khó khăn trong làm ăn và bị lừa nên đến nay chưa thể thanh toán nợ lãi theo tháng cho Ngân hàng. Ông bà có trình bày với bên Ngân hàng và xin giảm lãi, chậm trả vì lý do trên. Ông bà có thành ý trả nợ và đang có kế hoạch trả nợ.

Về án phí: ông bà chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: ông bà chịu theo quy định pháp luật.

Vụ án hoà giải thành vào ngày 13/3/2024. Tuy nhiên, sau đó bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 có đơn thay đổi ý kiến.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn trình bày: yêu cầu bà T2, ông T3 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 10/5/2024 là 3.393.678.447 đồng, trong đó gốc 3.096.726.188 đồng, tiền lãi là 296.952.259 đồng và tiền lãi phát sinh trên mức dư nợ gốc từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong 02 Hợp đồng cho vay hai bên đã ký kết. Nếu bà Đặng Thị T2 và ông Vũ Ngọc T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên phát mãi tài sản bảo đảm của khoản nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ vay, ông Vũ Ngọc T3, bà Đặng Thị T2 vẫn tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ nợ vay với Ngân hàng. Đối với yêu cầu xin miễn lãi Ngân hàng không đồng ý.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Vũ Ngọc T3 trình bày: đồng ý trả nợ gốc, xin Ngân hàng miễn tiền lãi.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết như sau:

Về đất: Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 14, địa chỉ khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, diện tích 137,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 309937 do UBND thành phố U cấp ngày 03/10/2018.

Tài sản gắn liền trên đất: 01 nhà cấp 3, diện tích xây dựng 88,8m², diện tích sàn 113,7m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:

1/ Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 464, Điều 465 và Điều 466 Bộ Luật dân sự;
- Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;
- Luật ngân hàng N;
- Luật thi hành án dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc ông Vũ Ngọc T3, bà Đặng Thị T2 trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 3.393.678.447 đồng (Ba tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, bốn trăm bốn bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 3.096.726.188 đồng (Ba tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn, một trăm tám tám đồng) tiền lãi tính đến hết ngày 10/5/2024 là 296.952.259 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh trên mức dư nợ gốc từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hai bên đã ký kết.

Nếu ông Vũ Ngọc T3, bà Đặng Thị T2 không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q xử lý tài sản thế chấp gồm Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 14, diện tích 137,4m² và tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng 88,8m², diện tích sàn 113,7m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 309937, Số vào sổ cấp GCN: CH 00434 do U, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 14/9/2012, cập nhật chuyển nhượng ngày 3/10/2018 cho bà Đặng Thị T2 được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số: 20228.22.765.18203444.BD ngày 20/4/2022 số Công chứng số: 05130, quyền số 06/2022/TP/CC-SCT/HĐGD.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ vay, ông Vũ Ngọc T3, bà Đặng Thị T2 vẫn tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ nợ vay với Ngân hàng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/5/2024, bị đơn ông Vũ Ngọc T3 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm không phù hợp thực tế khách quan và không phù hợp quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm số tiền lãi phát sinh do việc làm ăn của bị đơn lâm vào hoàn cảnh khó khăn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy kháng cáo của ông Vũ Ngọc T3 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy Bị đơn ông Vũ Ngọc T3 kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Vũ Ngọc T3, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình tham gia tố tụng, ông Vũ Ngọc T3 và bà Đặng Thị T2 thừa nhận đã ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh B theo 02 hợp đồng vay vốn với tổng số tiền đã giải ngân là 3.500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay vốn là ông T3 và bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của 02 hợp đồng vay, cụ thể:

- Tính đến ngày 10/5/2024, Hợp đồng vay số 1814522765.18203444.TD ngày 20/4/2022 số tiền gốc còn lại là 1.406.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 135.311.666 đồng;

- Tính đến ngày 10/5/2024, Hợp đồng vay số 2556422765.18203444.TD ngày 21/6/2022 số tiền gốc là 1.690.476.188 đồng và tiền lãi phát sinh là 161.640.593 đồng;

Như vậy, bà T2 và ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại điều khoản của Hợp đồng vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T2, ông T3 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày 10/5/2024 số tiền gốc là 3.096.726.188 đồng và tiền lãi là 296.952.259 đồng (tiền gốc, tiền lãi của 2 hợp đồng cho vay) và tiền lãi phát sinh trên mức dư nợ gốc từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T3 đồng ý trả tiền gốc và xin được miễn giảm tiền lãi phát sinh nhưng Ngân hàng không chấp nhận. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu miễn giảm tiền lãi của ông T3.

Về xử lý tài sản thế chấp, chi phí tố tụng và án phí, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đúng quy định của pháp luật nên không xem xét lại.

Từ những căn cứ và phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông T3 không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Ngọc T3 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Ngọc T3; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

1/ Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 464, Điều 465 và Điều 466 Bộ Luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Luật ngân hàng N; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc ông Vũ Ngọc T3, bà Đặng Thị T2 trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 3.393.678.447 đồng (Ba tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 3.096.726.188 đồng (Ba tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn, một trăm tám tám đồng) tiền lãi tính đến hết ngày 10/5/2024 là 296.952.259 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi chín đồng) và

tiền lãi phát sinh trên mức dư nợ gốc từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hai bên đã ký kết.

Nếu ông Vũ Ngọc T3, bà Đặng Thị T2 không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q xử lý tài sản thế chấp gồm Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 14, diện tích 137,4m² và tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng 88,8m², diện tích sàn 113,7m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 309937, Số vào sổ cấp GCN: CH 00434 do U, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 14/9/2012, cập nhật chuyển nhượng ngày 3/10/2018 cho bà Đặng Thị T2 được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số: 20228.22.765.18203444.BD ngày 20/4/2022 số Công chứng số: 05130, quyền số 06/2022/TP/CC-SCT/HĐGD.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ vay, ông Vũ Ngọc T3, bà Đặng Thị T2 vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ nợ vay với Ngân hàng.

3/ Về chi phí xem xét, thẩm định: Bà T2, ông T3 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 1.400.000 đồng.

4/ Án phí sơ thẩm: bà Đặng Thị T2, ông Vũ Ngọc T3 phải nộp 99.874.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 47.951.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001035 do Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Phan Thiết thu ngày 07/12/2023.

5/ Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Ngọc T3 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001729 ngày 20/5/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Ông T3 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/9/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu

